

Giải pháp bảo đảm an ninh môi trường biển Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường*, Nguyễn Thu Hà**

Nhận ngày 5 tháng 1 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 2 năm 2022.

Tóm tắt: Biển có vai trò quan trọng trong an ninh và phát triển của đất nước¹. An ninh môi trường biển có quan hệ chặt chẽ tới sự phát triển và phồn vinh của Việt Nam. Hiện nay, chúng ta đang phải đối mặt với những thách thức, như: thiên tai, suy thoái môi trường biển, rác thải nhựa đại dương... thách thức an ninh và phát triển của Việt Nam, đòi hỏi chúng ta phải nâng cao nhận thức, tích cực hành động hướng tới sự phát triển bền vững. Phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định... là mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Từ khóa: An ninh, môi trường biển, phát triển bền vững, Việt Nam.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: The sea plays an important role in the security and development of Vietnam. Marine environmental security is closely related to the development and prosperity of the country. Currently, we are facing challenges, such as natural disasters, marine environmental degradation, ocean plastic waste, etc. which challenge to Vietnam's security and development. This requires us to raise awareness, actively take actions towards sustainable development. Sustainable development of the marine economy is associated with ensuring national defense and security, maintaining independence, sovereignty and territorial integrity, strengthening foreign relations and international cooperation on the sea, contributing to maintaining an environment of peace and stability. These are important objectives and tasks, contributing to the successful implementation of the Resolution of the 13th Party Congress.

Keywords: Security, marine environment, sustainable development, Vietnam.

Subject classification: Politics

* Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: xuancuong@vnics.org.vn

** Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 506.01-2019.03.

1. Mở đầu

Việt Nam có vùng biển Đông rộng lớn, có 28 tỉnh và thành phố ven biển. Hiện nay, chúng ta đang phải đối mặt với những thách thức an ninh phi truyền thống, như: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường biển, rác thải nhựa đại dương, nguy cơ từ các ngành nghề trên biển và ven biển, tranh chấp tài nguyên biển,... an ninh hàng hải... an ninh môi trường biển Đông cũng có quan hệ chặt chẽ với các vấn đề an ninh tại biển Đông, đòi hỏi chúng ta phải nâng cao nhận thức, tích cực hành động hướng tới sự phát triển bền vững. Chúng ta cần đẩy mạnh phối hợp và hợp tác giữa các bộ ngành và các địa phương; huy động sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp; phát huy trí tuệ và nguồn lực quốc tế; xây dựng các cơ chế quốc tế hướng tới hòa bình, phát triển bền vững khu vực biển Đông.

2. An ninh môi trường biển Việt Nam hiện nay

Hiện nay, môi trường đang đối mặt với thách thức từ sự suy thoái, ô nhiễm, biến đổi khí hậu và hậu quả của các hành vi do con người gây ra. An ninh môi trường là việc bảo đảm không có tác động lớn của môi trường đến sự ổn định chính trị, xã hội và phát triển kinh tế của quốc gia (Quốc hội, 2014). An ninh môi trường biển được hiểu là trạng thái ổn định, an toàn của tài nguyên sinh vật, các hệ sinh thái biển, chất lượng nước biển và cảnh quan biển, qua đó đảm bảo khả năng duy trì sự sống toàn cầu một cách bền vững của môi trường biển (Nguyễn Lan Nguyên, 2019). Hiện nay, biển Việt Nam đã và đang đối mặt với hàng loạt các vấn đề về an ninh môi trường biển như sau:

Thứ nhất, gia tăng các nguồn ô nhiễm biển

Việc gia tăng các nguồn thải từ lục địa, đặc biệt là theo các dòng chảy sông ra biển dẫn đến môi trường biển nhiều nơi đang có xu hướng suy giảm về chất lượng. Nhiều vùng cửa sông ven biển đã bị ô nhiễm do nước thải công nghiệp, đô thị. Tình trạng xả thải các chất thải chưa qua xử lý hay xử lý chưa đạt quy chuẩn đang diễn biến ngày càng phức tạp ngay tại các tỉnh ven biển, gây thiệt hại lớn về kinh tế, đời sống, sinh kế của cộng đồng dân cư ven biển và những tổn hại khó lường đối với các hệ sinh thái, sinh vật biển. Theo ước tính của các nhà khoa học, 80% lượng rác thải ra biển xuất phát từ các hoạt động trên đất liền. Việt Nam có 112 cửa biển, đây chính là nguồn để rác trôi ra biển. Đại diện Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc công bố năm 2018, mỗi năm Việt Nam xả ra đại dương 0,28 đến 0,73 triệu tấn rác thải nhựa (chiếm 6% và đứng thứ 4 thế giới) (Quốc hội, 2014). Ô nhiễm rác thải biển không chỉ ảnh hưởng tới chất lượng môi trường, hệ sinh thái mà còn tác động đến phát triển kinh tế, cộng đồng dân cư ven biển; tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, an ninh lương thực. Các sự cố môi trường do tràn dầu, hóa chất, xói lở bờ biển... ngày càng gia tăng. Năm 2016, sự cố ô nhiễm môi trường biển do việc xả thải từ Khu công nghiệp Vũng Áng, Hà Tĩnh của Tập đoàn Formosa là một ví dụ điển hình.

Hoạt động dầu khí, vận tải biển, với quy mô khoảng 340 giếng khoan thăm dò và khai thác dầu khí và 272 bến cảng biển đang hoạt động với tổng công suất trên 550 triệu tấn/năm, nhiều năm qua có đóng góp lớn cho nền kinh tế. Ngoài nước thải lẫn dầu với khối lượng lớn, trung bình mỗi năm hoạt động này phát sinh khoảng 5.600 tấn rác thải dầu khí, trên 15 nghìn tấn dầu mỡ trôi nổi, trong đó 23-30% là chất thải rắn nguy hại chưa xử lý (Hoàng Nam, 2021). Ngoài ra, sự cố tràn dầu cũng là một trong những nguyên nhân gây ảnh hưởng đến môi trường biển. Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong giai đoạn 1992-2015 đã có 54 vụ tràn dầu nghiêm trọng xảy ra tại vùng biển Việt Nam. Từ năm 2010 đến 2017, có đến trên 100 vụ việc tràn dầu từ tàu biển lớn nhỏ, nhiều vụ rò rỉ khối lượng lớn (Đặng Trung Tú, Phạm Thị Hà, 2020).

Thứ hai, khai thác biển thiếu bền vững, gia tăng tốc độ suy giảm đa dạng sinh học.

Tài nguyên biển đang bị khai thác quá mức, thiếu tính bền vững; nạn phá hủy rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn ngày càng gia tăng ở nhiều nơi. Theo ước tính, cỏ biển trên toàn vùng biển nước ta từ Quảng Ninh đến Hà Tiên đã mất khoảng 40-60%; rừng ngập mặn mất đến 70%; và khoảng 11% các rạn san hô đã bị phá hủy hoàn toàn, không có khả năng tự phục hồi. Những cánh rừng ngập mặn nguyên sinh hầu như không còn. Sự suy giảm trầm trọng diện tích rừng ngập mặn đã kéo theo sự suy giảm đa dạng sinh học biển, đặc biệt mất bãi đẻ và nơi cư ngụ của các loài thủy sinh. Sự suy thoái hệ sinh thái thảm cỏ biển thể hiện trên các khía cạnh như giảm số lượng cá thể và số loài, thu hẹp diện tích phân bố, ô nhiễm, thoái hóa môi trường sống, giảm đa dạng sinh học và nguồn lợi kinh tế của các loài quý hiếm kèm theo. Thảm cỏ biển phân bố từ Bắc vào Nam và ven các đảo, ở độ sâu từ 0-20m, hiện chỉ còn khoảng trên 5.583 ha (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021).

Trong vòng hơn 20 năm qua, Việt Nam đã mất 12% số rạn san hô; 48% số rạn san hô khác đang trong tình trạng suy thoái nghiêm trọng. Diện tích các rạn san hô bị mất tập trung chủ yếu ở các vùng có dân cư sinh sống như vịnh Hạ Long, các tỉnh ven biển miền Trung và quần đảo Trường Sa... nhiều nơi độ phủ giảm trên 30% (Thái Sơn, 2020).

Thứ ba, khai thác và đánh bắt cá quá mức

Đến nay đã ghi nhận khoảng 100 loài sinh vật biển quý hiếm ở nước ta (đã được đưa vào Sách đỏ Việt Nam) và Danh mục đỏ IUCN (Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế) có nguy cơ bị đe dọa để yêu cầu phải có biện pháp bảo vệ (37 loài cá biển, 6 loài san hô, 5 loài da gai, 4 loài tôm rồng, 1 loài sam, 21 loài ốc, 6 loài hai mảnh vỏ, 3 loài mực). Kết quả nghiên cứu của FAO (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc) và một số tổ chức quốc tế khác trong những năm gần đây đều chỉ ra rằng, khoảng hơn 80% lượng cá trên các vùng biển ven bờ và ngoài khơi của Việt Nam đã bị khai thác, trong đó có đến 25% lượng cá bị khai thác quá mức hoặc khai thác cạn kiệt; sản lượng đánh bắt giảm đáng kể; nhiều loài sinh vật biển khác đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021).

Số lượng tàu thuyền đánh cá nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam, cũng như tàu thuyền đánh cá của Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, xử lý ở mức độ khác nhau, có trường hợp bị bắn chết do “cướp biển” (Nguyễn Chu Hồi, 2019). Mặt khác, từ năm 2017, Ủy ban châu Âu (EC) công bố “thẻ vàng” đối với hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của Việt Nam (gọi tắt là IUU).

Thứ tư, tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Biến đổi khí hậu mà biểu hiện chính là sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng đã tạo nên các hiện tượng thời tiết cực đoan hiện nay. Đây là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ XXI vì biến đổi khí hậu gây ra băng tan, nắng nóng, bão và lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, làm giảm đa dạng sinh học, gây hủy diệt hệ sinh thái, tài nguyên môi trường và cuộc sống của con người, cũng như hiện tượng axit hóa đại dương.

Theo Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng (RCP) cho Việt Nam, đến năm 2030, mực nước biển dâng trung bình cho toàn dải ven biển Việt Nam theo RCP2.6 là 13 cm (8 cm ÷ 18 cm), theo RCP4.5 là 13 cm (8 cm ÷ 18cm), theo RCP6.0 là 13 cm (8 cm ÷ 18 cm) và theo RCP8.5 là 13 cm (9 cm ÷ 18 cm). Trong khoảng giữa thế kỷ XXI, đã bắt đầu có sự khác biệt về xu thế tăng của mực nước biển. Đến năm 2050, mực nước biển dâng trung bình cho toàn dải ven biển Việt Nam theo kịch bản RCP2.6 là 21 cm (13 cm ÷ 32 cm), theo RCP4.5 là 22 cm (14 cm ÷ 32 cm), theo RCP6.0 là 22 cm (14 cm ÷ 32 cm) và theo RCP8.5 là 25 cm (17 cm ÷ 35 cm) (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2016).

Nếu mực nước biển tiếp tục dâng cao lên 30 cm theo Kịch bản biến đổi khí hậu năm 2050, mất đất và xâm nhập mặn sẽ càng gia tăng ở Đồng bằng sông Cửu Long và một số khu vực Đồng bằng sông Hồng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh lương thực quốc gia. Ngoài ra, mực nước biển dâng cao khiến diện tích rừng ngập mặn suy giảm và làm mất nơi cư trú của nhiều loài thủy sinh vật.

3. Môi trường biển đối mặt với thách thức xuyên biên giới

Các thách thức an ninh môi trường biển Việt Nam không chỉ đối mặt với thách thức môi trường trong vùng biển ven bờ Việt Nam, mà còn là thách thức môi trường xuyên biên giới trong khu vực biển Đông và châu Á.

3.1. Tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng

Biến đổi khí hậu toàn cầu là một vấn đề quan trọng hàng đầu của an ninh môi trường và đã trở thành thách thức an ninh phi truyền thống lớn nhất mà thế giới đang phải đối mặt. Biểu hiện rõ nhất là sự nóng lên của trái đất, băng tan, nước biển dâng cao; các hiện tượng thời tiết cực đoan như: bão lũ, sóng thần, động đất, hạn hán, tai biến và giá rét kéo dài... ảnh hưởng tới tính mạng con người, gây suy thoái kinh tế, xung đột và chiến tranh, mất đa dạng sinh học, phá hủy hệ sinh thái, thiếu lương thực và xuất hiện hàng loạt dịch bệnh...

Tổng số bão, số cơn bão cấp 12 trở lên và số cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam đều tăng lên, cụ thể: giai đoạn 1999-2008 tổng số cơn bão là 78, thì đến giai đoạn 2009-2018 là 93; giai đoạn 1999-2008 số cơn bão mạnh trên cấp 12 là 32, thì giai đoạn 2009-2018 là 36 và số cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta giai đoạn 1999-2008 là 28, giai đoạn 2009-2018 là 44. Từ năm 2016, cơ quan khí tượng đã phải bổ sung cấp siêu bão, tức là cấp 16 trở lên (184-201 km/h) (Phương Nam, 2019). Năm 2019 là 10 cơn bão (Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn, 2019).

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, trong đó Đồng bằng sông Cửu Long là một trong ba đồng bằng dễ bị tổn thương nhất do nước biển dâng. Biến đổi khí hậu thực sự đã làm cho thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán ngày càng khốc liệt.

3.2. Thách thức từ rác thải nhựa đại dương

Hiện nay, lượng rác thải trên biển có nguồn gốc từ các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư xả nước thải, chất thải rắn không qua xử lý ra các con sông ở vùng đồng bằng ven biển hoặc xả thẳng ra biển chiếm từ 70% đến 80%, tác động xấu đến môi trường tự nhiên biển. Hiện nay, châu Á là khu vực gây ô nhiễm môi trường biển nhất do rác thải nhựa, trong đó Việt Nam đứng thứ 17 về lượng rác thải nhựa, trong đó, xét riêng về lượng rác thải nhựa xả ra biển, Việt Nam đứng top 5 thế giới (theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới thực hiện với 109 quốc gia) (Báo điện tử VTV News, 2018).

Ô nhiễm đại dương do rác thải nhựa được xem là thách thức môi trường lớn thứ hai thế giới sau biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, năng lực ứng phó với rủi ro, ô nhiễm môi trường biển còn nhiều hạn chế, chưa kiểm soát tốt.

3.3. Suy giảm rạn san hô biển Đông

Biển Đông nằm trong “trung tâm san hô toàn cầu” thế giới. Rạn san hô là hệ sinh thái quan trọng và dễ bị tổn thương nhất, có giá trị cao về môi trường và nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học phong phú nhất trên thế giới. Quần đảo Trường Sa đang bị tàn phá nặng nề, 160 km² rạn san hô bị hủy hoại gồm 17 km² do hoạt động bồi đắp, xây dựng và 143 km² do các hoạt động hút vật liệu xây dựng và đào bới, nạo vét để khai thác loài trai tai tượng khổng lồ. Tính đến cuối năm 2016, Trung Quốc đã lấn mở rộng khoảng 1.500 ha các bãi cạn, đá ở đảo Trường Sa và Hoàng Sa để xây dựng các đảo nhân tạo, chiếm khoảng 95% tổng diện tích so với các nước khác có tuyên bố chủ quyền ở quần đảo Trường Sa đã làm. Điều này đồng nghĩa với 95% tác động phá hủy môi trường biển Đông là do Trung Quốc (John W. MacManus, 2017).

Theo đánh giá của các nhà khoa học, hành vi xây dựng đảo bất hợp pháp của Trung Quốc ở biển Đông thời gian vừa qua cũng gây ra những tổn hại nghiêm trọng đối với các rạn san hô ở biển Đông và các ngư dân trong khu vực... ngoài ra, an ninh môi trường biển Đông đang chịu áp lực đến từ sự phát triển kinh tế và gia tăng dân số rất nhanh dẫn đến biến đổi

và xuống cấp của môi trường sống tự nhiên và tình trạng khai thác quá mức các nguồn lợi hải sản và gây ô nhiễm môi trường biển (Talue-Mcnus and Sulan Chen, 2005) trong thập kỷ vừa qua.

3.4. Nguy cơ từ các ngành nghề và an ninh, an toàn hàng hải

Cạnh tranh khai thác tài nguyên ở biển Đông ngày càng gay gắt. Biển Đông giàu tiềm năng dầu khí, băng cháy và các nguồn năng lượng biển, như: năng lượng gió, mặt trời, sóng, dòng chảy, thủy triều... Dầu khí đã trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của các quốc gia trong khu vực.

Những năm gần đây, Trung Quốc đẩy mạnh các hoạt động thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên ở biển Đông, đặc biệt là dầu khí. Tuy nhiên, các hoạt động như giàn khoan Hải Dương 981 năm 2014, tàu địa chất Hải Dương 8 năm 2019... đều thách thức tới an ninh và sự phát triển của Việt Nam.

Cùng với giàn khoan nổi di động, Trung Quốc cũng liên tục cố gắng về việc sẽ chế tạo và sử dụng các Tổ hợp nhà máy khai thác - chế biến dầu khí nổi di động có khả năng tạo ra 200MW điện của Tập đoàn năng lượng hạt nhân Trung Quốc (CGN); một số nhà máy điện hạt nhân, nhà máy điện thủy triều nổi di động... sẽ gây thách thức đối với an ninh môi trường biển Đông.

Biển Đông cũng nằm trên tuyến hàng hải, hàng không quan trọng của thế giới. Các tai nạn, sự cố... thường xuyên xảy ra, tác động tới môi trường biển. Đồng thời, biển Đông cũng nằm ở tiêu điểm cạnh tranh của nhiều nước, có nhiều tranh chấp, bất ổn, không có lợi cho các giải pháp về an ninh môi trường biển.

4. Giải pháp bảo đảm an ninh môi trường biển

Ô nhiễm rác thải nhựa trên biển là một vấn đề nghiêm trọng mang tính toàn cầu. Trên 50% tổng lượng rác thải nhựa ra đại dương là từ các nước nằm trong khu vực biển Đông Á, như: Trung Quốc, Việt Nam, Indonesia và Philippines.

Đến nay, ô nhiễm rác thải nhựa trên biển đã trở thành một vấn đề môi trường quan trọng được quan tâm bởi chính phủ các nước, các nhà khoa học, các tổ chức phi chính phủ và người dân trên toàn thế giới. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực thông qua những cam kết chính trị mạnh mẽ cũng như các hoạt động thiết thực trong quản lý, giảm rác thải nhựa. Đặc biệt, tại Hội nghị Thượng đỉnh G7 mở rộng tổ chức tại Canada ngày 9/6/2018, Thủ tướng Việt Nam đã đưa ra sáng kiến các nước G7 thúc đẩy hình thành Cơ chế hợp tác toàn cầu về giảm chất thải nhựa để hướng tới mục tiêu các đại dương xanh và sạch, không còn rác thải nhựa. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 4/12/2019 về Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 (Chính phủ, 2021); với mục tiêu chung nhằm thực hiện có kết quả các sáng kiến và cam kết của Việt Nam với quốc tế về việc giải quyết các vấn đề rác thải nhựa mà

trọng tâm là rác thải nhựa đại dương, bảo đảm ngăn ngừa việc xả rác thải nhựa từ các nguồn thải trên đất liền và các hoạt động trên biển; phấn đấu đưa Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực về giảm thiểu rác thải nhựa đại dương. Kế hoạch phấn đấu đến năm 2030 giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên biển và đại dương; 100% ngư cụ khai thác thủy sản bị mất hoặc bị vứt bỏ được thu gom, chấm dứt việc thải bỏ ngư cụ trực tiếp xuống biển; 100% các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; 100% các khu bảo tồn biển không còn rác thải nhựa; mở rộng quan trắc hằng năm và định kỳ 5 năm một lần đánh giá hiện trạng rác thải nhựa đại dương tại một số cửa sông thuộc 11 lưu vực sông chính và tại 12 huyện đảo.

Biển Đông là một trong những khu vực có lượng rác thải nhựa lớn trên thế giới. Trong khi đó, do vấn đề xuyên biên giới của dòng lực học, hoàn lưu dòng chảy biển Đông biến đổi theo mùa cộng với việc vật liệu nhựa thường nhẹ và rất dễ di chuyển trong điều kiện dòng lực học mạnh ở khu vực, tác động của vấn đề rác thải nhựa ở một nước có thể ảnh hưởng đến nước khác rất nhanh. Đặc biệt, vì tính chất liên thông của biển, dưới tác động của dòng chảy biển, các xoáy nước ở biển, rác thải nhựa sẽ trôi nổi, lan truyền, phát tán mạnh trong môi trường biển. Do đó, để giảm thiểu rác thải nhựa ở một khu vực biển hay đại dương cần có sự nỗ lực tham gia của các quốc gia liên quan.

Thứ nhất, an ninh môi trường biển Việt Nam quan hệ chặt chẽ với an ninh và phát triển của Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam. An ninh môi trường biển tác động bởi nhiều nhân tố như: biến đổi khí hậu, thiên tai... song yếu tố “nhân tai” (do con người) gây ra chiếm phần hơn. An ninh biển Đông nói chung, an ninh môi trường biển nói riêng cần được đưa vào các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước. An ninh biển là tiền đề quan trọng để chúng ta triển khai Nghị quyết số 36-NQ/TW 2018 và Nghị quyết số 26/NQ-CP năm 2020. Chúng ta cần nhận thức sâu sắc và hành động quyết liệt hơn trong ứng phó với an ninh môi trường biển, đặc biệt an ninh môi trường xuyên biên giới.

Thứ hai, các bộ ngành, địa phương cần có sự phối hợp chặt chẽ. Chúng ta có 28 tỉnh và thành phố ven biển. Tuy nhiên, an ninh môi trường biển không chỉ có quan hệ và tác động trực tiếp tới các tỉnh, thành phố ven biển mà còn có quan hệ với các tỉnh trong toàn quốc và quốc tế. Song, sự phối hợp giữa các bộ ngành, tỉnh/ thành ven biển, giữa các tỉnh/ thành ven biển với cả nước còn chưa chặt chẽ, cần đẩy mạnh hơn nữa. Theo đó, các bộ ngành, địa phương sẽ xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện. Đồng thời, phát huy mạnh hơn vai trò của Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

Thứ ba, vai trò của người dân và doanh nghiệp: an ninh biển rất nhạy cảm đối với người dân Việt Nam. An ninh môi trường tác động sự phát triển của đất nước và cuộc sống của người dân. Cần phát huy vai trò của người dân và doanh nghiệp trong an ninh môi trường biển, trong phát triển bền vững biển. Hành động cụ thể tối thiểu là chống rác thải, ô nhiễm môi trường biển...

Thứ tư, khu vực biển Đông hòa bình và an ninh là lợi ích chung của khu vực và thế giới. An ninh môi trường biển cần có sự hợp tác của các nước, các tổ chức quốc tế, khu vực;

cần có trí tuệ và nguồn lực quốc tế. Chúng ta cần đề nghị các tổ chức hoặc diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc, ASEAN hoặc ARF (Diễn đàn khu vực ASEAN) tổ chức các hội nghị, diễn đàn quốc tế về an ninh biển Đông, xây dựng các cơ chế quốc tế trong bảo đảm an ninh biển Đông nói chung, môi trường biển nói riêng.

5. Kết luận

An ninh môi trường biển Việt Nam là bộ phận quan trọng của an ninh biển châu Á. An ninh môi trường biển là lợi ích chung của khu vực và thế giới, tác động trực tiếp tới an ninh và phát triển của Việt Nam. Trong bối cảnh an ninh biển Đông phức tạp và đa tầng, diễn biến khó lường, cần thiết xây dựng cơ chế quốc tế để bảo đảm an ninh biển Đông nói chung, an ninh môi trường biển nói riêng, không ngừng mở rộng các lĩnh vực và nội dung hợp tác an ninh môi trường biển, góp phần vào hòa bình và phát triển của khu vực.

Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW về chiến lược phát triển bền vững kinh tế Biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ký ngày 22 tháng 10 năm 2018) đã định hướng chiến lược và các chương trình xây dựng kinh tế biển xanh và bền vững. Tuy nhiên, an ninh môi trường biển cần có nhận thức và hành động quyết liệt hơn. Chúng ta cần đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 26/ NQ-CP năm 2020, nâng cao hiệu quả thực thi. Đẩy mạnh phối hợp và hợp tác giữa các bộ ngành và các địa phương; huy động sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp; phát huy trí tuệ và nguồn lực quốc tế; xây dựng các cơ chế quốc tế hướng tới hòa bình, phát triển bền vững khu vực biển Đông.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2020), *Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ về Ban hành Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW*, Hà Nội.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016a), *Báo cáo hiện trạng môi trường biển Việt Nam năm 2016*, Hà Nội.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016b), *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*, Nxb Tài nguyên môi trường và Bản đồ, Hà Nội.
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2018, 2019, 2020*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Chu Hồi (2019), *An ninh môi trường và hòa bình ở biển Đông*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
8. Viện Chính sách và Quản lý (2019), *An ninh môi trường ở khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội*, Hải Phòng.

9. John W. MacManus (2017), “Offshore Coral Reef Damage, Overfishing, and Paths to Peace in the South China Sea”, *International Journal of Marine and Coastal Law*, 32(2), page 199-237. DOI: 10.1163/15718085-12341433.
10. Báo điện tử VTV News (2018), “Ô nhiễm rác thải nhựa ở Việt Nam nghiêm trọng đến mức nào”, <https://vtv.vn/trong-nuoc/o-nhiem-rac-thai-nhua-o-viet-nam-nghiem-trong-den-muc-nao-20181026101450184.htm>, truy cập ngày 12/2/2022.
11. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2018), “Thống kê bão vào Việt Nam năm 2019”, <https://vtv.vn/trong-nuoc/o-nhiem-rac-thai-nhua-o-viet-nam-nghiem-trong-den-muc-nao-20181026101450184.htm>, truy cập ngày 12/2/2022.
12. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), “Công bố Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016-2020”, <https://monre.gov.vn/VanBan/Pages/ChiTietVanBanChiDao.aspx?PID=2633>, truy cập ngày 12/2/2022.
13. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), “Ô nhiễm môi trường đang làm mất dần nguồn tài nguyên biển”, <http://www.tainguyenvamoitruong.vn/o-nhiem-moi-truong-dang-lam-mat-dan-nguon-tai-nguyen-bien-cid1391.html>, truy cập ngày 12/2/2022.
14. Chính phủ (2022), *Quyết định số 1746/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030*, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=198482, truy cập ngày 12/2/2022.
15. Gia Chính (2018), “Việt Nam xả rác thải nhựa ra biển nhiều thứ 4 thế giới”, <http://www.vasi.gov.vn/tin-tong-hop/viet-nam-xa-rac-thai-nhua-ra-bien-nhieu-thu-4-the-gioi/t708/c223/i1288>, truy cập ngày 12/2/2022.
16. Hoàng Nam (2021), “Bảo vệ môi trường biển: tình trạng ô nhiễm ở mức đáng báo động”, <https://www.vietnamplus.vn/bao-ve-moi-truong-bien-tinh-trang-o-nhiem-o-muc-dang-bao-dong/741793.vnp>, truy cập ngày 12/2/2022.
17. Phương Nam (2019), “Biến đổi khí hậu và những cơn bão”, <https://bnews.vn/bien-doi-khi-hau-va-nhung-con-bao/130087.html>, truy cập ngày 12/2/2022.
18. Nguyễn Lan Nguyên (2019), “Pháp luật về an ninh môi trường biển Việt Nam trước yêu cầu cấp bách cần hoàn thiện”, <http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/phap-luat-ve-an-ninh-moi-truong-bien-viet-nam-truoc-yeu-cau-cap-bach-can-hoan-thien-63510.htm>, truy cập ngày 12/2/2022.
19. Quốc hội (2014), “Luật Bảo vệ môi trường 2014”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-bao-ve-moi-truong-2014-238636.aspx>, truy cập ngày 12/2/2022.
20. Thái Sơn (2020), “Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường biển”, <https://nhandan.vn/vi-moi-truong-xanh/gan-phat-trien-kinh-te-voi-bao-ve-moi-truong-bien-452026>, truy cập ngày 12/2/2022.
21. Đặng Trung Tú, Phạm Thị Hà (2020), “Ô nhiễm môi trường biển Việt Nam: thực trạng và khuyến nghị”, <https://isponre.gov.vn/home/dien-dan/1789-o-nhiem-moi-truong-bien-viet-nam-thuc-trang-va-khuyen-nghy>, truy cập ngày 12/2/2022.
22. Talue-Mcnus và Sulan Chen (2005), “Instrumental and Induced Cooperation; Environmental Politics in the South China Sea, doctoral thesis”, Univeristy of Maryland, page 119, <https://drum.lib.umd.edu/bitstream/handle/1903/3227/umi-umd-3053.pdf?sequence=1&isAllowed=y>, truy cập ngày 12/2/2022.